

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5-6
Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ đã được soát xét	7-39
<i>Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>13-38</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>39</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600116271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 07 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07: 125.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Điện thoại : (0210) 3885 310
Fax : (0210) 3884 023
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 1 6 2 7 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Phú	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Triệu Quang Thuận	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Tạ Đức Thiện	Trưởng Ban	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 422.812.265.819 đồng và 437.392.517.931 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là 272.477.580.692 đồng và 293.796.728.447 đồng, tương ứng 218% và 235% vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu âm 142.628.178.770 đồng và 163.947.326.525 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh để cải tạo, nâng cao công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được đã được các ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

Số : 2606.01.01/2020/BCTC-NVT2
Ngày : 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Khâm Hòa, Phường Khâm Hòa, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

104 - 106 Trần Lưu

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Một số khoản công nợ phải thu, phải trả, vay và nợ thuê tài chính của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được tính chính xác, tính hiện hữu, dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập, lãi vay quá hạn thanh toán phát sinh và ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính văn phòng Công ty giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của văn phòng Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh số VIII.2 về việc tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 422.812.265.819 đồng và 437.392.517.931 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là 272.477.580.692 đồng và 293.796.728.447 đồng, tương ứng 218% và 235% vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu âm 142.628.178.770 đồng và 163.947.326.525 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên căn cứ vào các phương án cải tạo, nâng cấp, mở rộng sản xuất kinh doanh và các cam kết hỗ trợ của các nhà cung cấp, các khách hàng lớn, các đại lý cũng như việc xem xét cơ cấu nợ của các ngân hàng tín dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tiếp theo. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính văn phòng công ty năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề nêu trên.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.746.641.128	79.890.119.369
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	526.289.383	235.580.026
1. Tiền	111		526.289.383	235.580.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.515.012.875	35.429.875.110
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.969.753.002	17.372.194.389
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.128.410.709	7.542.919.754
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.700.273.152	1.700.273.152
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	13.621.268.014	13.719.179.817
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.022.516.106)	(5.022.516.106)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		117.824.104	117.824.104
IV. Hàng tồn kho	140		37.339.471.680	40.537.447.811
1. Hàng tồn kho	141	V.6	37.339.471.680	40.537.447.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.365.867.190	3.687.216.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.302.230.052	3.623.579.284
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.637.138	63.637.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.403.244.239	374.142.139.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		721.000.000	105.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	721.000.000	105.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		332.667.732.666	341.429.111.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	332.667.732.666	341.429.111.301
<i>Nguyên giá</i>	222		581.635.255.096	581.635.255.096
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(248.967.522.430)	(240.206.143.795)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		160.000.000	160.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(160.000.000)	(160.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.503.911.714	18.654.672.601
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	20.503.911.714	18.654.672.601
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.712.856.393	1.575.587.519
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.787.143.607)	(1.924.412.481)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.797.743.466	12.377.768.461
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	11.797.743.466	12.377.768.461
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		434.149.885.367	454.032.259.251

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		598.097.211.892	596.660.438.021
I. Nợ ngắn hạn	310		504.139.159.059	502.702.385.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	124.984.791.979	131.833.134.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	14.205.340.757	14.371.473.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.687.269.991	10.470.499.420
4. Phải trả người lao động	314		7.991.797.021	8.485.292.812
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	53.401.082.939	51.019.621.229
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		845.686.193	1.180.116.205
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	3.140.406.495	5.080.071.497
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	116.512.551.976	116.860.071.718
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	170.370.231.708	163.402.104.033
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		93.958.052.833	93.958.052.833
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	93.958.052.833	93.958.052.833
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán vân phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(163.947.326.525)	(142.628.178.770)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(163.947.326.525)	(142.628.178.770)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.212.934.000	3.212.934.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.328.707.922	5.328.707.922
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(293.796.728.447)	(272.477.580.692)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(272.477.580.692)	(207.729.431.525)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(21.319.147.755)	(64.748.149.167)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		434.149.885.367	454.032.259.251

Người lập biểu

Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2020



Tổng Giám đốc

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.981.021.796	115.040.664.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		341.153.908	1.444.214.028
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.639.867.888	113.596.450.608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	118.510.280.910	115.174.508.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.129.586.978	(1.578.058.159)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	776.701	5.180.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.029.019.767	11.036.821.931
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.166.288.641	11.129.288.288
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.029.405.049	2.755.742.635
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.199.262.864	6.534.207.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.127.324.001)	(21.899.649.815)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	26.857.000	8.386.900
12. Chi phí khác	32		-	9.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		26.857.000	(613.100)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.100.467.001)	(21.900.262.915)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.100.467.001)	(21.900.262.915)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Người lập biểu

Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương



Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(21.100.467.001)	(21.900.262.915)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.761.378.635	8.328.941.167
- Các khoản dự phòng	03		(137.268.874)	(497.429.359)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(776.701)	(5.180.325)
- Chi phí lãi vay	06		12.166.288.641	11.129.288.288
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(310.845.300)	(2.944.643.144)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.080.181.481	886.676.767
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.177.358.946	4.759.919.371
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.605.033.609)	(12.787.232.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.904.469.663	(5.198.027.638)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(565.707.500)	(1.737.857.300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.680.423.681	(17.071.164.227)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(154.990.500)	(533.641.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		776.701	5.180.325
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(154.213.799)	(528.461.520)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.700.900.000	7.007.365.200
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.936.400.525)	(4.414.849.290)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.235.500.525)	2.592.515.910
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		290.709.357	(15.007.109.837)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	235.580.026	15.441.190.561
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	526.289.383	434.080.724

Người lập biểu

Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh xi măng
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB 40; PCB 30; Clinker thương phẩm;
 - Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông;
 - Kinh doanh các vật liệu xây dựng khác./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Số lượng lao động đến 30 tháng 6 năm 2020**: 219 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh khai thác nguyên vật liệu	Huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vận hành công ty giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCDVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

7. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCD đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vân phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	110.112.006	8.283.003
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	416.177.377	227.297.023
Cộng	<u>526.289.383</u>	<u>235.580.026</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Xây dựng và Thương mại PANSIPAN	382.243.100	382.243.100
Công ty Cổ phần Quyết Tiến Phú Thọ	1.660.125.967	1.364.235.967
Công ty TNHH Nguyễn Bình	413.226.000	-
Công ty xây dựng nông lâm nghiệp Phú Thọ	311.301.205	311.301.205
Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng - Tổng		
Công ty Xây dựng Sông Hồng	364.200.000	364.200.000
UBND Huyện Lâm Thao	468.063.857	468.063.857
UBND Huyện Phú Ninh	399.651.354	399.223.784
UBND Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	305.318.580	305.318.580
Các khách hàng khác	4.665.622.939	13.777.607.896
Cộng	<u>8.969.753.002</u>	<u>17.372.194.389</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại 268	4.729.172.442	4.729.172.442
Công ty TNHH MTV Hoàng Bảo Phát IMEX	300.000.000	-
Tổng công ty Cổ phần đầu tư và PT NASOCO	1.649.393.209	1.649.393.209
Các nhà cung cấp khác	1.449.845.058	1.164.354.103
Cộng	<u>8.128.410.709</u>	<u>7.542.919.754</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Ban quản lý dự án Xi măng lò quay (*)	6.852.618.611	-	6.852.618.611	-
Phải thu tiền, vật tư của các Phân xưởng	1.181.660.811	-	1.426.594.440	-
Phải thu Công ty Cơ khí nặng Triều Dương về tiền ăn ca	543.410.000	-	543.410.000	-
Phải thu tiền tạm ứng	2.939.481.048	-	2.773.139.039	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.104.097.544	-	2.123.417.727	-
Cộng	13.621.268.014	-	13.719.179.817	-

(*) Khoản phải thu "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" là tiền hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ từ năm 2010 đến năm 2012 để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định xử lý trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	721.000.000	-	105.000.000	-
Cộng	721.000.000	-	105.000.000	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.066.664.678	-	12.677.002.865	-
Công cụ, dụng cụ	236.028.737	-	250.350.145	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	357.495.434	-	550.959.608	-
Thành phẩm	18.314.136.673	-	19.931.124.318	-
Hàng hóa	457.747	-	457.747	-
Hàng gửi đi bán	5.364.688.411	-	7.127.553.128	-
Cộng	37.339.471.680	-	40.537.447.811	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa Dây chuyền Clinker	759.815.937	2.168.222.319
Công cụ dụng cụ	245.049.788	1.116.181.086
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	297.364.327	339.175.879
Cộng	1.302.230.052	3.623.579.284

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bi nghiền	9.754.730.958	9.536.408.105
Chi phí sửa chữa	122.036.950	551.857.040
Công cụ dụng cụ	1.920.975.558	2.277.419.981
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	12.083.335
Cộng	11.797.743.466	12.377.768.461

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	161.862.227.695	412.849.374.167	6.410.374.984	408.316.077	104.962.173	581.635.255.096
Số cuối kỳ	161.862.227.695	412.849.374.167	6.410.374.984	408.316.077	104.962.173	581.635.255.096
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	33.135.139.771	29.296.516.295	5.080.789.529	408.316.077	104.962.173	68.025.723.845
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	70.311.946.096	163.469.139.067	5.911.780.382	408.316.077	104.962.173	240.206.143.795
Khấu hao trong kỳ	2.775.759.003	5.919.140.364	66.479.268	-	-	8.761.378.635
Số cuối kỳ	73.087.705.099	169.388.279.431	5.978.259.650	408.316.077	104.962.173	248.967.522.430
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	91.550.281.599	249.380.235.100	498.594.602	-	-	341.429.111.301
Số cuối kỳ	88.774.522.596	243.461.094.736	432.115.334	-	-	332.667.732.666

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 580.305.669.641 VND và 332.235.515.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng phát triển chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế -Chi nhánh Vĩnh Phúc.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vận hành công ty giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	17.500.000	-	-	17.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	18.585.516.962	1.838.536.364	-	20.424.053.326
Dự án mô Phụ gia Tiêu Sơn (1)	581.969.191	-	-	581.969.191
Mở rộng đường vào tại Chi nhánh Khai thác đá (2)	205.377.122	-	-	205.377.122
Dự án mở rộng mỏ đá vôi (3)	17.798.170.649	1.838.536.364	-	19.636.707.013
Sửa chữa lớn tài sản cố định	51.655.639	20.617.185	(9.914.436)	62.358.388
Cộng	18.654.672.601	1.859.153.549	(9.914.436)	20.503.911.714

(1) Dự án Mô Phụ gia Tiêu Sơn đang tạm ngừng do chưa hoàn thành xong thủ tục về cấp quyền khai thác.

(2) Dự án đường vào Chi nhánh khai thác đá đang tạm ngừng do vướng một số hộ dân chưa di dời được.

(3) Dự án mở rộng mỏ đá vôi của Công ty tại địa bàn xã Ninh Dân và xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ với các thông tin chi tiết như sau:
+ Tổng mức đầu tư: Tổng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư là 16.120.316.171 đồng; Ngoài ra còn có các chi phí xây dựng khác;
+ Thời gian bắt đầu triển khai dự án vào cuối năm 2016; Thời gian dự kiến hoàn thành năm 2020
Tình trạng dự án: Đã hoàn thành các nội dung cơ bản, đang chờ nghiệm thu quyết toán công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>500.000.000</i>	-	<i>500.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên (1)	500.000.000	-	500.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>(1.787.143.607)</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>(1.924.412.481)</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (2)	3.000.000.000	(1.787.143.607)	3.000.000.000	(1.924.412.481)
Cộng	3.500.000.000	(1.787.143.607)	3.500.000.000	(1.924.412.481)

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên, tổng giá trị đầu tư là 500.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 35%.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, tổng giá trị đầu tư là 3.000.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 0,47%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Constrexim số 1 (CONFITECH)	12.026.713.045	12.026.713.045
Công ty cổ phần LILAMA Hà Nội	27.677.121.495	29.296.167.495
Công ty cổ phần Thương mại và Tổng hợp Phúc Hương	16.034.697.633	14.196.738.762
Công ty cổ phần xây dựng và TM Thành Trang	11.861.044.245	4.891.489.133
Công ty TNHH thương mại Hoàng Vinh	10.088.353.085	15.896.591.990
Các nhà cung cấp khác	47.296.862.476	55.525.434.298
Cộng	124.984.791.979	131.833.134.723

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đoàn Huy Phú Thọ	2.380.430.000	1.582.640.000
Công ty TNHH Hưng Yên	2.568.949.823	3.648.117.953
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và TM Quỳnh Anh	7.153.806.000	7.153.806.000
Các khách hàng khác	2.102.154.934	1.986.909.598
Cộng	14.205.340.757	14.371.473.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vắn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.875.651	2.153.915.358	(516.455.560)	1.660.335.449
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.484.525	-	-	165.484.525
Thuế thu nhập cá nhân	327.580.569	57.472.273	(277.712.245)	107.340.597
Thuế tài nguyên	5.287.883.482	1.414.714.031	(1.017.826.928)	5.684.770.585
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	4.218.243.000	603.292.500	-	4.821.535.500
Các loại thuế khác	-	18.480.765	(18.480.765)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	448.432.193	700.263.572	(900.892.430)	247.803.335
Cộng	10.470.499.420	4.948.138.499	(2.731.367.928)	12.687.269.991

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Công ty đã hạch toán bổ sung Phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông báo số 1414/TB-CT và 1415/TB-CT của Cục thuế Tỉnh Phú Thọ ngày 04/03/2020 về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	159.751.800	81.504.900
Phải trả lãi vay thành viên ban lãnh đạo	159.751.800	81.504.900
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	53.241.331.139	50.938.116.329
Chi phí lãi vay cá nhân	363.666.500	171.670.600
Phải trả lãi vay Ngân hàng Công thương Thị xã Phú Thọ	221.050.256	221.050.256
Phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc về lãi vay tạm tính (*)	44.626.144.587	44.626.144.587
Phải trả nhà cung cấp khối lượng hoàn thành xây dựng cơ bản tạm ghi nhận	7.559.037.250	5.919.250.886
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	471.432.546	-
Cộng	53.401.082.939	51.019.621.229

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH VÀ PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 31/12/2019, không tính lãi phạt quá hạn.

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là Doanh thu nhận trước về số tiền hàng khách trả trước cho hàng hóa chưa lấy

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	3.624.150.000
Phải trả vay thành viên ban lãnh đạo	-	3.000.000.000
Phải trả lãi vay thành viên ban lãnh đạo	-	624.150.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	116.512.551.976	113.235.921.718
Tài sản thừa chờ giải quyết	330.103.261	330.103.261
Kinh phí công đoàn	2.247.375.733	2.165.074.121
Bảo hiểm xã hội	331.390.346	1.020.564.652
Bảo hiểm y tế	272.096.235	40.753.449
Bảo hiểm thất nghiệp	120.886.685	17.989.921
Phải trả về cổ phần hóa	3.902.216.322	3.952.216.322
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Phải trả tiền cổ tức	3.144.505.000	3.144.505.000
Phải trả lãi vay ngân hàng	99.880.246.894	89.973.343.753
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ(*)</i>	<i>75.757.168.585</i>	<i>69.454.190.336</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ(**)</i>	<i>24.123.078.309</i>	<i>20.519.153.417</i>
Phải trả Sở Tài chính về kinh phí để thực hiện đền bù Giải phóng mặt bằng tại Khu 3 xã Yên Nội - Thanh Ba	-	880.502.000
Lãi phải trả Công ty Cổ phần Constrexim số 1	4.562.133.147	4.562.133.147
Phải trả vay các cá nhân khác	-	4.700.000.000
Lãi vay phải trả các cá nhân khác	-	977.835.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.686.598.353	1.435.901.092
Cộng	116.512.551.976	116.860.071.718

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 30/6/2020, không tính lãi phạt quá hạn.

(**) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 30/6/2020, không tính lãi phạt quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.194.685.270</i>	<i>10.194.685.270</i>	<i>5.571.153.170</i>	<i>5.571.153.170</i>
Vay thành viên ban lãnh đạo (3)	10.194.685.270	10.194.685.270	5.571.153.170	5.571.153.170
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>160.175.546.438</i>	<i>160.175.546.438</i>	<i>157.830.950.863</i>	<i>157.830.950.863</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.529.642.714	17.529.642.714	18.130.642.714	18.130.642.714
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)	670.000.000	670.000.000	971.000.000	971.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)	16.859.642.714	16.859.642.714	17.159.642.714	17.159.642.714
Vay ngắn hạn các cá nhân khác (3)	17.605.770.207	17.605.770.207	14.211.175.207	14.211.175.207
Vay dài hạn đến hạn trả	125.040.133.517	125.040.133.517	125.489.132.942	125.489.132.942
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	18.216.272.092	18.216.272.092	18.216.272.092	18.216.272.092
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	47.258.390.575	47.258.390.575	47.408.390.000	47.408.390.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	59.565.470.850	59.565.470.850	59.864.470.850	59.864.470.850
Cộng	170.370.231.708	170.370.231.708	163.402.104.033	163.402.104.033

(1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 170072/2017-HĐCVHM/NHCT244-CTCPXIMANGPT ngày 01/10/2017 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 16044/2016-HĐTDHM/NHCT244-CTCPXIMANGPT ngày 30/09/2016. Hạn mức cho vay 4.400.000.000 VNĐ, mục đích vay để thanh toán các chi phí của phương án sản xuất xi măng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/12/2018, đến 30/06/2020 khoản vay trên đã đến hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm bảo theo các hợp đồng đảm bảo ký kết giữa hai bên, bao gồm: HĐTC số 09150799/HĐTC ngày 22/03/2009; HĐTC số 09140056/HĐTC ngày 25/03/2009; HĐTC số 09140056/HĐTC ngày 25/03/2009; HĐTC số 09150815/HĐTC ngày 21/08/2015.

(2) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/HĐTD ngày 17/09/2015, hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 VNĐ bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/399179/HĐTD ngày 28/8/2014 sang. Mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2016, đến 30/06/2020 khoản vay trên đã đến hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 22.535.370.000 VND.

(3) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân thời hạn vay từ 3 - 12 tháng, lãi suất 10-14%/năm, cho vay theo hình thức tín chấp, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(4) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng số 0180707/HĐTD2-VIB ngày 03/08/2007 và Biên bản về việc thỏa thuận về việc xử lý thu hồi nợ ngày 08/01/2014. Số tiền vay 125.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay 240 tháng. Đến 30/06/2020 khoản vay trên đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Lãi tiền vay nhập gốc	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.130.642.714	-	-	-	(601.000.000)	17.529.642.714
Vay ngắn hạn các cá nhân là bên liên quan	5.571.153.170	3.000.900.000	1.152.162.100	3.000.000.000	(2.529.530.000)	10.194.685.270
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	14.211.175.207	700.000.000	1.851.466.100	4.200.000.000	(3.356.871.100)	17.605.770.207
Vay dài hạn đến hạn trả	125.489.132.942	-	-	-	(448.999.425)	125.040.133.517
Cộng	163.402.104.033	3.700.900.000	3.003.628.200	7.200.000.000	(6.936.400.525)	170.370.231.708

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	93.958.052.833	93.958.052.833	93.958.052.833	93.958.052.833
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	13.958.052.833	13.958.052.833	13.958.052.833	13.958.052.833
Cộng	93.958.052.833	93.958.052.833	93.958.052.833	93.958.052.833

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

(5) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 04/2007/HDTĐ-TĐH ngày 25/10/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04G/2007/HDTĐ-TĐH ngày 31/12/2015. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 240 tháng, lãi phát sinh thực hiện trả hàng tháng trên dư nợ vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

(6) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐ ngày 26/09/2007 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/SDHD ngày 31/03/2015. Số tiền vay tối đa 100.000.000.000VND bao gồm cả ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

102
C
ACH M
KIẾ
HÀNH
V
G

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(206.053.359.741)	(76.203.957.819)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(64.748.149.167)	(64.748.149.167)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.676.071.784)	(1.676.071.784)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(272.477.580.692)	(142.628.178.770)
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(272.477.580.692)	(142.628.178.770)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(21.100.467.001)	(21.100.467.001)
Lợi nhuận từ chỉ nhánh	-	-	-	-	(218.680.754)	(218.680.754)
Số dư cuối kỳ này	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(293.796.728.447)	(163.947.326.525)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Ông Triệu Quốc Hoàn	10.013.500.000	8,01%	10.013.500.000	8,01%
Ông Trần Tuấn Đạt	8.855.500.000	7,08%	8.845.000.000	7,08%
Ông Triệu Quang Thuận	7.422.500.000	5,94%	6.919.500.000	5,54%
Vốn góp của các cổ đông khác	95.016.260.000	76,01%	95.529.760.000	76,42%
Cổ phiếu quỹ	3.692.240.000	2,95%	3.692.240.000	2,95%
Cộng	125.000.000.000	100,00%	125.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.224	369.224
- Cổ phiếu phổ thông	369.224	369.224
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.130.776	12.130.776
- Cổ phiếu phổ thông	12.130.776	12.130.776
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	336,89	373,49

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	120.981.021.796	115.040.664.636
Doanh thu bán thành phẩm	120.823.003.614	115.012.841.054
Doanh thu bán hàng hóa	141.098.182	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.920.000	27.823.582
Các khoản giảm trừ doanh thu	(341.153.908)	(1.444.214.028)
+ Chiết khấu thương mại	(239.964.544)	(1.444.214.028)
+ Hàng bán bị trả lại	(101.189.364)	-
Doanh thu thuần	120.639.867.888	113.596.450.608

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vắn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	118.369.182.767	115.174.508.767
Giá vốn của hàng hóa đã bán	141.098.143	-
Cộng	118.510.280.910	115.174.508.767

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	776.701	5.180.325
Cộng	776.701	5.180.325

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.166.288.641	11.129.288.288
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(137.268.874)	(92.466.357)
Cộng	12.029.019.767	11.036.821.931

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.876.647.600	254.378.200
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	675.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.891.824.449	2.191.314.432
Các chi phí khác	260.258.000	310.050.003
Cộng	4.029.405.049	2.755.742.635

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.810.784.563	2.692.416.169
Chi phí vật liệu quản lý	485.867.216	648.915.823
Chi phí đồ dùng văn phòng	209.097.486	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.446.448	207.446.406
Thuế, phí và lệ phí	935.021.894	748.216.167
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(404.963.002)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.234.880.693	1.223.301.525
Các chi phí khác	1.316.164.564	1.418.874.327
Cộng	7.199.262.864	6.534.207.415

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	26.857.000	8.386.900
Cộng	26.857.000	8.386.900

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.100.467.001)	(21.900.262.915)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.307.465	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí lãi vay không hợp lệ	23.307.465	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	(21.077.159.536)	(21.900.262.915)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp, không trình bày trên Báo cáo tài chính văn phòng công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Kỳ này
Lãi tiền vay nhập gốc	3.003.628.200
Khấu trừ thuế TNCN lãi vay	21.792.000
Cộng	3.025.420.200

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thành Phú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này
Vay tiền	3.000.900.000
Lãi vay nhập gốc	1.152.162.100
Chuyển gốc vay quá hạn sang vay trong hạn	3.000.000.000
Trả tiền vay	2.529.530.000
Phải trả tiền lãi vay	628.091.700
Trả lãi vay	75.127.000
Khấu trừ thuế TNCN	8.955.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày chi tiết ở thuyết minh số V.15, V.17 và V.18a.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	397.323.440	382.077.109
Tiền lương, thưởng, thù lao	397.323.440	382.077.109
Cộng		

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 422.812.265.819 đồng và 437.392.517.931 đồng, lũy kế lần lượt là 272.477.580.692 đồng và 293.796.728.447 đồng, tương ứng 218% và 235% vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu âm 142.628.178.770 đồng và 163.947.326.525 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng cấp và mở rộng sản động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh để cải tạo, nâng cao công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được đã được

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

các ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Cường Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	163.512.001	(163.512.001)	Quá hạn trên 3 năm	163.512.001	(163.512.001)
Công ty cổ phần đầu tư PTXD Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	341.837.354	(341.837.354)	Quá hạn trên 3 năm	341.837.354	(341.837.354)
Công ty cổ phần LILAMA - Hoàng Mai - HN	Quá hạn trên 3 năm	193.825.819	(193.825.819)	Quá hạn trên 3 năm	193.825.819	(193.825.819)
Công ty cổ phần Thanh Nhân	Quá hạn trên 3 năm	133.012.000	(107.108.400)	Quá hạn trên 3 năm	133.012.000	(107.108.400)
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại 268 - Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	201.684.985	(201.684.985)	Quá hạn trên 3 năm	201.684.985	(201.684.985)
Công ty Thành Đăng Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	125.740.102	(125.740.102)	Quá hạn trên 3 năm	125.740.102	(125.740.102)
Công ty xây dựng nông lâm nghiệp Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	311.301.205	(311.301.205)	Quá hạn trên 3 năm	311.301.205	(311.301.205)
Công ty XNK và XD-Tổng Công ty XD Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	364.200.000	(364.200.000)	Quá hạn trên 3 năm	364.200.000	(364.200.000)
Nguyễn Xuân Dân, Tiêu Thụ	Quá hạn trên 3 năm	239.819.764	(239.819.764)	Quá hạn trên 3 năm	239.819.764	(239.819.764)
Phùng Đức Thiện - Công ty xây cổ phần xây dựng số 1 PT	Quá hạn trên 3 năm	138.716.346	(138.716.346)	Quá hạn trên 3 năm	138.716.346	(138.716.346)
UBND Huyện Hạ Hoà	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	260.050.267	(117.451.612)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	260.050.267	(117.451.612)
UBND Huyện Lâm Thao	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	468.063.857	(115.795.747)	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	468.063.857	(115.795.747)
UBND Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	305.318.580	(152.694.190)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	305.318.580	(152.694.190)
Vị Đức Thọ - Công ty XD số 1 Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	111.451.243	(111.451.243)	Quá hạn trên 3 năm	111.451.243	(111.451.243)
Các đối tượng khác	Quá hạn từ 6 tháng đến trên 3 năm	7.129.714.657	(2.337.377.338)	Quá hạn từ 6 tháng đến trên 3 năm	7.129.714.657	(2.337.377.338)
Cộng		10.488.248.180	(5.022.516.106)		10.488.248.180	(5.022.516.106)

